

Số: 2370/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
ban hành trong tháng 4 năm 2024**

Trong tháng 4 năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 12 văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, trên cơ sở thông tin do các bộ, cơ quan ngang bộ cung cấp, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về một số văn bản quy phạm pháp luật¹ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 4 năm 2024, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Các Nghị định của Chính phủ:

- Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú";
- Nghị định số 36/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật;
- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
- Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia;

¹ Chưa bao gồm văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ.

6. Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

7. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú"

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2024.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Nghị định ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt yêu cầu việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt theo yêu cầu của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII; khắc phục các hạn chế trong công tác xét tặng, tạo điều kiện để các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để xây dựng kế hoạch phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định có 05 Chương, 19 Điều với các nội dung chủ yếu, bao gồm:

- Nghị định 35/2024/NĐ-CP của Chính phủ áp dụng đối với Nhà giáo và cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục làm nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục; Cán bộ quản lý làm nhiệm vụ quản lý tại các cơ quan quản lý giáo dục theo quy định của pháp luật; cán bộ nghiên cứu giáo dục làm nhiệm vụ nghiên cứu về khoa học giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; Nhà giáo, cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý tại cơ quan quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục đã nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội giữa hai lần xét tặng liền kề với năm xét tặng; Nhà giáo, cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục; Nhà giáo, cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý tại cơ quan quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục đã nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội tiếp tục là giáo viên, giảng viên, cán bộ

quản lý cơ hữu tại các cơ sở giáo dục dân lập và tư thục; Tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

- Quy định về nguyên tắc xét tặng và cách tính thành tích.
- Quy định về tiêu chuẩn danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.
- Quy định về Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.
- Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.
- Quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở giáo dục trong việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.
- Danh mục Phụ lục kèm theo: Phụ lục I: Bảng thành tích tương đương; Phụ lục II: Bảng thành tích được quy đổi của nhà giáo, cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục giảng dạy các ngành, nghề, chuyên ngành đặc thù; Phụ lục III: Một số biểu mẫu trong hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

2. Nghị định số 36/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật và Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Cần có những quy định phù hợp với quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, bổ sung và hoàn thiện những quy định hiện hành quy định tại Nghị định số 90/2014/NĐ-CP và Nghị định số 133/2018/NĐ-CP.

- Cần bổ sung, sửa đổi một số quy định để phù hợp với thực tiễn, yêu cầu:

+ Về đối tượng áp dụng; tiêu chuẩn về giải thưởng độc lập cho tác phẩm kịch; tiêu chuẩn giải thưởng đối với các tác phẩm, công trình trong cụm tác phẩm, cụm công trình; giải thưởng quốc tế do cơ quan chuyên môn về hoạt động nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, có văn bản quy đổi, xác nhận về giá trị tương đương với các giải thưởng trong nước để làm cơ sở

cho việc xác định các tiêu chuẩn xét tặng; quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, công trình của đồng tác giả; văn bản cam kết, thỏa thuận ủy quyền đại diện đứng tên nộp hồ sơ đối với tác giả đã chết.

+ Về cách thức nhận hồ sơ trực tuyến, chỉnh sửa các biểu mẫu, các tài liệu trong hồ sơ kê khai bảo đảm phù hợp với tinh thần Quyết định số 06/QĐ- TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2023.

+ Hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng cần điều chỉnh cho khoa học hơn.

+ Một số quy định còn lặp lại quy định của Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành chưa bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu:

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng (sau đây gọi là xét tặng) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

- Đối tượng áp dụng:

+ Tác giả hoặc đồng tác giả (sau đây gọi là tác giả) là công dân Việt Nam, người nước ngoài có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình về văn học, nghệ thuật đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định thuộc các chuyên ngành điện ảnh, âm nhạc, kiến trúc, múa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu, văn học, văn nghệ dân gian được đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” hoặc “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

+ Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

- Những nội dung cơ bản:

+ Quy định về đối tượng xét tặng hoặc truy tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật cho tác giả, đồng tác giả là công dân Việt Nam, người nước ngoài có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình thuộc các lĩnh vực âm nhạc, điện ảnh, kiến trúc, múa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu, văn học, văn nghệ dân gian.

+ Quy định, làm rõ, giải thích một số khái niệm về tác phẩm, công trình, cụm tác phẩm, cụm công trình, tác giả, đồng tác giả và khái niệm về giải thưởng để hiểu thống nhất khi triển khai thực hiện Nghị định.

+ Quy định về nguyên tắc xét tặng, thẩm quyền tổ chức xét tặng, công bố giải thưởng, quyền và nghĩa vụ của tác giả có tác phẩm, công trình được tặng giải thưởng, kinh phí xét tặng và tiền thưởng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

+ Quy định điều kiện xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

+ Quy định tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật.

+ Quy định tổ chức và nguyên tắc làm việc của Hội đồng xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật: Hội đồng xét tặng được thành lập ở từng cấp, theo từng lần xét tặng, bao gồm: Hội đồng cấp cơ sở; Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước và Hội đồng cấp Nhà nước. Quy định cụ thể số lượng, thành phần của từng cấp Hội đồng.

+ Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật của 03 cấp Hội đồng; quy định cụ thể về thời gian sau khi kết thúc cuộc họp của Hội đồng các cấp thì cơ quan thường trực của Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật đến Hội đồng cấp dưới; quy định cụ thể về thời gian khi Hội đồng cấp dưới nhận được văn bản thông báo kết quả của Hội đồng cấp trên phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến các tác giả có hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật. Các quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho từng cấp xét tặng, nhất là ở cấp Hội đồng cấp cơ sở; bảo đảm sự minh bạch, thuận lợi và khoa học, thống nhất ở từng cấp xét tặng.

+ Quy định hiệu lực của văn bản và trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản.

3. Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2024.

- Cơ sở nuôi cá tra đã được cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện ao nuôi cá tra theo quy định (áp dụng đối với cơ sở nuôi cá tra không có sự thay đổi so với nội dung đã được cấp) trước ngày Nghị định này có hiệu lực không phải thực hiện thủ tục đăng ký đối tượng thủy sản nuôi chủ lực; Cơ quan quản lý nhà nước

về thủy sản cấp tỉnh thực hiện chuyển đổi và cấp Giấy xác nhận đăng ký đối tượng nuôi chủ lực theo Mẫu số 28.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và gửi cho cơ sở. Trường hợp cơ sở nuôi cá tra có sự thay đổi so với nội dung đã được cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện ao nuôi cá tra, cơ sở nuôi cá tra phải thực hiện thủ tục đăng ký đối tượng thủy sản nuôi chủ lực theo quy định tại Nghị định này.

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nuôi trồng thủy sản trên biển trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện cấp phép theo quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá đang hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì phải gửi thông báo theo Mẫu số 04A.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP về Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, chứng chỉ, văn bản chấp thuận trong lĩnh vực thủy sản đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được sử dụng cho đến khi hết thời hạn hoặc đến khi cấp lại theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp quy định tại Nghị định này thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân thì giải quyết theo quy định tại Nghị định này;

- Đối với thiết bị giám sát hành trình đã lắp đặt trên tàu cá trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành, chủ tàu cá phải thực hiện cập nhật, bổ sung các tính năng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ pháp lý

+ Ngày 17/6/2020, tại Kỳ họp thứ 9 Khóa 14, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, trong đó bổ sung ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là “Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá”, do đó Chính phủ cần quy định chi tiết điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá để bảo đảm tính pháp lý và thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 nên cần tiến hành rà soát các thủ tục hành chính đã được quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2019/NĐ-CP) để đơn giản hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Ngày 20/01/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2020/NĐ-CP về ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Tại Điều 1 của Nghị định số 12/2020/NĐ-CP đã quy định “Ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản cho đến khi sửa đổi các quy định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi các chính sách cho lực lượng Kiểm ngư phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Cơ sở thực tiễn

Sau gần 03 năm triển khai thực hiện Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, các quy định tại Nghị định đã và đang được triển khai trên thực tiễn, tạo khung pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về thủy sản, góp phần thúc đẩy hoạt động trong lĩnh vực thủy sản theo hướng có trách nhiệm nhằm phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững. Tuy nhiên, để thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, khắc phục một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định; quy định chi tiết một số nội dung được giao tại Luật Đầu tư và đặc biệt đáp ứng yêu cầu mới trong hội nhập quốc tế, cần rà soát điều chỉnh, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Bổ sung một số thuật ngữ để bảo đảm cách hiểu thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện (giống gốc giống thủy sản, cảng cá động lực, cơ sở hạ tầng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, sơ chế, chế biến thủy sản, khai thác thủy sản giải trí...);

+ Đơn giản hóa một số thủ tục hành chính: Cấp mã số ao nuôi; đăng ký lồng, bè nuôi trồng thủy sản; công bố đóng, mở cảng cá, cấp phép nuôi trồng thủy

sản trên biển.... Việc thực hiện rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực thủy sản và nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

+ Bổ sung quy định sau:

(i) Quy định về điều kiện đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá để triển khai thực hiện Luật Đầu tư nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá đạt hiệu quả, góp phần thúc đẩy đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động sản xuất kinh doanh trên biển.

(ii) Quy định quản lý hoạt động khai thác không chú ý đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; quản lý hoạt động khai thác để không làm ảnh hưởng đến thú biển và quy định về giám sát viên trên tàu cá của Việt Nam để đảm bảo hoạt động khai thác tại một số nghề được đánh giá có ảnh hưởng đến thú biển được theo dõi, giám sát. Việc bổ sung các quy định này nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý để phục vụ việc đánh giá tương đương với Luật Bảo vệ Thú biển của Hoa Kỳ, tạo hành lang pháp lý để hỗ trợ hoạt động xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ, cụ thể như sau:

Ngày 01/01/2017, Hoa Kỳ chính thức áp dụng quy định của Luật Bảo vệ Thú biển về nhập khẩu thủy sản cho tất cả các nước đang xuất khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ. Do đó, Hoa Kỳ sẽ thực hiện đánh giá tương đương thông qua bộ câu hỏi và thông tin trả lời được nước xuất khẩu nhập trực tiếp trên Web của Cục Quản lý Khí quyển và Đại dương Hoa Kỳ. Trong thời hạn 01 năm Hoa Kỳ sẽ tiến hành đánh giá việc triển khai thực hiện. Theo đó, Hoa Kỳ sẽ ban hành lệnh cấm xuất khẩu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác vào Hoa Kỳ, lệnh này sẽ được áp dụng ngay đối với quốc gia nào được đánh giá có kết quả chưa tương đương.

Một quốc gia được đánh giá tương đương khi đáp ứng được các yêu cầu sau:

+ Yêu cầu chung: (1) Hệ thống pháp luật phải có các quy định về việc cố ý gây thương tích, sát hại thú biển là bất hợp pháp hoặc có quy trình chứng nhận sản phẩm thủy sản được khai thác không gây tổn hại đến thú biển; (2) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về các quy tắc, quy định quản lý việc cố ý gây thương tích, sát hại thú biển trong khai thác thủy sản. Chương trình này phải có hiệu quả tương đương với chương trình quốc gia của Hoa Kỳ.

+ Yêu cầu cụ thể: (1) Chương trình đánh giá nguồn lợi thường niên đối với thú biển, trong đó hàng năm đối với nhóm loài suy giảm đặc biệt nghiêm trọng và 03 năm đối với nhóm suy giảm nghiêm trọng; (2) Hệ thống phân loại các nghề khai thác thủy sản dựa trên mức độ gây tử vong hoặc thương tích đối với thú biển; (3) Quy định về việc phải báo cáo trường hợp bắt gặp thú biển trong quá trình khai thác thủy sản; (4) Quy định về triển khai chương trình giám sát khai thác đối với các nghề cá thuộc nhóm nghề khai thác tác động lớn đến thú biển; (5) Kế hoạch giảm thiểu đánh bắt không chủ ý đối với thú biển; (6) Chương trình bảo tồn cá heo đối với nghề lưới vây; (7) Quy định về việc phát triển, áp dụng các thiết bị xua đuổi cá heo; (8) Chương trình cứu hộ thú biển (quy trình cứu hộ, mạng lưới tiếp nhận thông tin cứu hộ, trung tâm cứu hộ...); (9) Quy định về việc sản phẩm cá ngừ phải có nhãn “an toàn đối với cá heo” (Dolphin Safe)....

Tuy nhiên, một số quy định quản lý nghề cá của Việt Nam khác với các quy định về quản lý nghề cá của Hoa Kỳ nên chưa có sự tương đương khi đánh giá. Mặt khác, nếu quy định cụ thể để tương đương với Hoa Kỳ thì rất khó có tính khả thi trên thực tế đối với thực trạng nghề cá của Việt Nam hiện nay như: quy định về chiều dài của lưới, ngư cụ phải có bộ phận thoát rùa, phải quản lý chặt các nghề có khả năng ảnh hưởng đến thú biển (vây, câu, rê và kéo)...; Việt Nam chưa có các cơ sở cứu hộ chuyên biệt hoặc hỗ trợ, điều phối việc cứu hộ an toàn đối với thú biển một cách khoa học, hệ thống. Việc cứu hộ thú biển chưa có đào tạo, tập huấn, hướng dẫn của các cơ quan khoa học và mới chỉ dừng lại ở mức sơ cứu đơn giản; Việt Nam có số lượng rất ít công trình nghiên cứu, điều tra, khảo sát chuyên biệt về thú biển do nguồn lực tài chính và năng lực chuyên môn hạn chế; chưa có nghiên cứu sinh học quần thể nên chưa xác định được khu vực phân bố tập trung, khu vực kiếm ăn, trữ lượng, tỉ lệ tử vong tự nhiên và tỉ lệ tử vong của thú biển do đánh bắt không chủ ý..., thiếu dữ liệu, thông tin khoa học theo từng loài, nhóm loài và theo thời gian làm cơ sở đề xuất ban hành các quy định quản lý có liên quan....

Do đó, các quy định được đưa vào trong dự thảo Nghị định mới giải quyết được một phần so với yêu cầu của Hoa Kỳ. Vì vậy, sau khi Hoa Kỳ công bố kết quả đánh giá, có thể sẽ tiếp tục phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định có liên quan. Trong thời gian này Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tăng cường tuyên truyền đến người dân để nhận thức rõ về vấn đề này trước khi quy định trong văn bản pháp luật.

(iii) Bổ sung một số quy định chuyên tiếp để bảo đảm có thời gian cho các đối tượng chịu sự điều chỉnh của quy định chuẩn bị điều kiện để thực hiện.

- Sửa đổi quy định về: (i) quản lý hệ thống giám sát tàu cá; (ii) quy định đối với chế độ của lực lượng Kiểm ngư; (iii) các biểu mẫu kèm theo Nghị định nhằm đơn giản hóa các trường thông tin, thuận tiện trong áp dụng.

Xuất phát từ những lý do trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản là rất cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Việc xây dựng dự thảo Nghị định này nhằm điều chỉnh những nội dung bất cập, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với hệ thống pháp luật khác và tiếp tục thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa theo tinh thần cải cách hành chính và tạo khung pháp lý để triển khai Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định bao gồm 3 điều, cụ thể:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Điều 3. Điều khoản thi hành.

4. Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

- Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết mà Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng quy định của Nghị định này.

- Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản để giải quyết.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ pháp lý

Ngày 13/11/2020, tại Kỳ họp thứ 10 Khóa 14, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, vì vậy Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực cần phải thay đổi để phù hợp với quy định của Luật, cụ thể:

+ Quy định các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước;

+ Quy định về thời hiệu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản là 02 năm;

+ Quy định về thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ.

+ Một số chức danh có thay đổi về mức tiền phạt; thay đổi về giá trị tịch thu tang vật, phương tiện.

+ Thay đổi tên một số chức danh có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân, Biên phòng, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường và Hải quan...;

+ Quy định về thẩm quyền xử phạt của Kiểm ngư và Kiểm lâm.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 16/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, sau hơn 02 năm áp dụng thi hành Nghị định này đã mang lại một số kết quả đáng ghi nhận trong việc ngăn chặn hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của Ủy ban Nghề cá Châu Âu với mục tiêu gỡ thẻ “Vàng” đối với thủy sản xuất khẩu của Việt Nam, cụ thể:

Công tác xử phạt vi phạm hành chính được tăng cường (Năm 2020, địa phương xử phạt 2.977 vụ với tổng số tiền phạt là 68.838.262.000 đồng, trong đó xử phạt hành vi: (i) Vi phạm vùng biển nước ngoài: 66 vụ với số tiền: 34.463.000.000 đồng; (ii) Vi phạm về VMS: 81 vụ với số tiền: 2.881.500.000 đồng; (iii) Vi phạm về

giấy phép khai thác 01 vụ với số tiền: 700.000.000 đồng; (iv) Vi phạm về nhật ký khai thác 02 vụ với số tiền: 50.000.000 đồng. Năm 2021, địa phương xử phạt 1.698 vụ với tổng số tiền phạt là 21.136.600.000 đồng, trong đó xử phạt hành vi: (i) không lắp đặt thiết bị VMS, 01 vụ với số tiền 400.000.000 đồng; (ii) tháo hoặc không duy trì thiết bị giám sát hành trình tàu cá, 149 vụ với số tiền là 4.257.000 đồng; (iii) ghi không đúng hoặc không có nhật ký khai thác thủy sản là 67 vụ với số tiền là 1.282.000.000 đồng; (iv) Giấy phép khai thác hết hạn với tàu cá có chiều dài dưới 24 mét, 01 vụ với số tiền 400.000.000 đồng; (v) tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài 07 vụ với số tiền 4.500.000.000 đồng).

Mức xử phạt cao đã tác động vào nhận thức của đối tượng chịu sự điều chỉnh của Nghị định, đã nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc thực thi pháp luật về thủy sản.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã xuất hiện một số khó khăn, vướng mắc, tồn tại và hạn chế cần khắc phục như:

+ Mức phạt của một số hành vi quy định tại Nghị định này cao so với thu nhập của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh với quy mô nhỏ, ngư dân thực hiện khai thác thủy sản với phương tiện nghề cá nhỏ, do đó cần chia nhỏ mức phạt để phù hợp với từng nhóm tàu cá, quy mô sản xuất, vùng hoạt động để đảm bảo tính khả thi khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành.

+ Một số hành vi cần bổ sung để bảo đảm có căn cứ xử phạt như: (1) Hành vi cập nhật thông tin về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản vào cơ sở dữ liệu không đúng, không đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng; (2) hành vi không duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện; (3) hành vi nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; (4) hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu, sử dụng thức ăn thủy sản có chứa kháng sinh, chất cấm dùng trong nuôi trồng thủy sản; (5) hành vi nuôi mỗi loài thủy sản không có trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam; (6) hành vi cung cấp thiết bị giám sát hành trình không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định; (7) hành vi không báo cáo về việc lắp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; (8) hành vi cung cấp kẹp chì hoặc kẹp chì cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá không đúng quy định; (9) hành vi tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi đang hoạt động trên biển...

+ Một số biện pháp khắc phục hậu quả và hình thức xử phạt cần rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

+ Một số hành vi cần được bổ sung cho nhiều chức danh có thẩm quyền được xử phạt để đảm bảo hành vi vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời, tăng cường năng lực thanh tra, kiểm tra, xử phạt trong lĩnh vực thủy sản.

+ Quy định về trình tự, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thủy sản.

Xuất phát từ những lý do trên, việc ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản thay thế Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ là rất cần thiết.

- Mục đích ban hành:

+ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời khắc phục tồn tại, bất cập của các quy định tại Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

+ Tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hoạt động xử phạt vi phạm hành chính về thủy sản.

+ Nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ pháp luật về thủy sản, đặc biệt quy định về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định bao gồm 4 chương 62 điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung (Từ Điều 1 đến Điều 5)

Chương này quy định phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền và áp dụng xử phạt vi phạm hành chính.

- Chương II. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (Từ Điều 6 đến Điều 44).

- Chương III. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Từ Điều 45 đến Điều 58).

Chương này quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt của cơ quan có thẩm quyền và người có thẩm quyền xử phạt hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt được phân định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ quản lý của từng cơ quan và yêu cầu về chuyên môn trong xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính; trình tự, thủ tục thực hiện tục xử phạt hành chính trong hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quản lý tàu cá; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong việc phát hiện hành vi vi phạm.

- Chương IV. Điều khoản thi hành (Từ Điều 59 đến Điều 62).

Điều 59. Hiệu lực thi hành

Điều 60. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính

Điều 61. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết mà Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng quy định của Nghị định này.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản để giải quyết.

Điều 62. Trách nhiệm thi hành.

5. Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật về di sản văn hóa nói chung, và công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa nói riêng; những quy định trong Công ước 2003 của UNESCO đối với các di sản ghi danh trong các Danh sách.

Cơ sở thực tiễn:

+ Công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia còn gặp khó khăn, tồn tại.

+Việc gia tăng về số lượng di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh vào các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể cũng như sự phát triển của kinh tế - xã hội trong những năm gần đây đã và

đang đặt ra những yêu cầu mới trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nói chung và thực hiện Công ước 2003 nói riêng.

+ Các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể có tính chuyên môn đặc thù, có lộ trình tiếp cận vấn đề, chiến lược lâu dài, không hướng tới xử lý hoạt động, nội dung có tính thời điểm, hướng tới quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh một cách bền vững (Hầu hết các di sản được UNESCO ghi danh nhưng chưa có biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy một cách có hiệu quả).

c) Nội dung chủ yếu:

- Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các biện pháp về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia.

- Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia.

- Những nội dung cơ bản:

+ Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ chuyên ngành của lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể được sử dụng trong Nghị định như: nhận diện, nghiên cứu, kiểm kê, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể, cộng đồng chủ thể, người thực hành, nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, thực hành, biểu đạt, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể, tính liên tục của di sản văn hóa phi vật thể, không gian thực hành, sức sống của di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền, bảo vệ, phục hồi di sản văn hóa phi vật thể, các Danh sách của UNESCO.

+ Quy định về nguyên tắc trong thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; nguyên tắc trong sử dụng và khai thác di sản văn hóa phi vật thể ngoài hoạt động thực hành

+ Quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục của quốc gia: tổ chức kiểm kê, truyền dạy, liên hoan, giới thiệu về di sản; thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ với nghệ nhân, chủ thể di sản; nghiên cứu, tư liệu hóa di sản, bảo vệ di sản

có nguy cơ bị mai một; phục hồi di sản; phát huy và bảo vệ giá trị di sản văn hóa phi vật thể; trách nhiệm xây dựng, trình tự, hồ sơ và thẩm quyền phê duyệt đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản; hợp tác quốc tế; kinh phí cho hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

+ Quy định về trách nhiệm quản lý về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và Danh mục của quốc gia.

+ Quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

6. Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Các văn bản hết hiệu lực từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành: (1) Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố; (2) Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Ngày 28/11/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Luật được thông qua đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, vững chắc, toàn diện cho xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và góp phần kiện toàn, sắp xếp, bố trí lực lượng, tinh gọn đầu mối gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng tổ chức cơ sở; bảo đảm thực hiện tốt hơn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân.

+ Về nội dung Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Chính phủ quy định chi tiết, cụ thể như sau:

(1) Khoản 3 Điều 22 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều 22 về trang phục, giấy chứng nhận, trang bị của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cụ thể: *Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được trang bị, sử dụng trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận, phương tiện, thiết bị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.*

(2) Khoản 5 Điều 24 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều 24 về chế độ, chính sách đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ; cụ thể:

Người chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được hỗ trợ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Người chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí.

Từ những căn cứ nêu trên và để tạo cơ sở pháp lý thống nhất tổ chức thi hành Luật thì việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

+ Cụ thể hóa quy định của Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở về chế độ, chính sách, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

+ Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn trong xây dựng, hoạt động, quản lý, sử dụng các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 03 chương, 08 Điều, với những nội dung cơ bản như sau:

- Chương I về quy định chung, gồm 02 Điều (Điều 1 và Điều 2), quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Chương II về trang bị, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, gồm 04 Điều (từ Điều 3 đến Điều 6): Trên cơ sở căn cứ thực tiễn về tổ chức, hoạt động của các lực lượng quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và kế thừa quy định của pháp luật hiện hành còn giá trị để tiếp tục quy định trong Nghị định chế độ, chính sách, bảo đảm trang bị đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bảo đảm phù hợp với Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và điều kiện thực tiễn của địa phương. Theo đó, tại Chương II Nghị định quy định về: Trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biên hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; trang bị phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để

chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ; điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ.

- Chương III về điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 7 và Điều 8), quy định về: Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

7. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

- Cơ sở đào tạo lái xe ô tô thực hiện trang bị thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên trên xe tập lái trên sân tập lái kể từ ngày Quy chuẩn thay thế Quy chuẩn QCVN 105:2020/BGTVT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe) có hiệu lực thi hành.

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động đã được Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận để xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP.

- Giấy phép vận tải loại D do Cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc xây dựng, ban hành Nghị định nhằm triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên, bao gồm: Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025; Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước với mục tiêu đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân

quyền nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành, giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 và chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm triển khai quyết liệt cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các quy trình, thủ tục không hợp lý; thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về cư dân, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

Đồng thời, Nghị định được xây dựng, ban hành để giải quyết một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn trong quá trình thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 5 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát hạch lái xe (đã được sửa đổi tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018, Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022)

- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022)

- Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/11/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới

- Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

- Điều 5. Điều khoản thi hành

Nội dung cơ bản của Nghị định

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP

+ Cắt giảm yêu cầu điều kiện đối với Hệ thống phòng học chuyên môn từ 5 phòng học riêng biệt cho từng môn học xuống còn 2 phòng học dùng chung là phòng sử dụng học lý thuyết và phòng sử dụng học kỹ thuật lái xe.

+ Bãi bỏ thành phần hồ sơ chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu và bãi bỏ các thông tin về nơi cư trú quy định tại các biểu mẫu đối với các thủ tục hành chính.

+ Sửa đổi 11 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đào tạo lái xe và cung cấp cơ sở vật chất phục vụ cho công tác sát hạch lái xe để thực hiện phân cấp triệt để cho địa phương.

+ Bổ sung quy định về thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và giấy phép xe tập lái, nhằm tăng tính răn đe trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Bổ sung quy định trả kết quả bằng hình thức điện tử đối với thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái.

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP

+ Bổ sung thêm chế tài xử lý thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải đối với đơn vị không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và pháp luật khác có liên quan của cơ quan có thẩm quyền hoặc trong thời gian 01 tháng, có từ 30% trở lên số phương tiện của đơn vị bị xử lý vi phạm thu hồi, bị tước phù hiệu, biển hiệu; bổ sung quy định về thời hạn cấp lại giấy phép đối với trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm quy định dẫn đến bị thu hồi giấy phép nhằm mục tiêu tăng tính răn đe đối với đơn vị vi phạm.

+ Sửa đổi nội dung xử lý đình chỉ khai thác tuyến đối với doanh nghiệp vận tải tại giờ xuất bến đã đăng ký khi trong một tháng thực hiện dưới 70% tổng số chuyến xe của giờ xuất bến đã đăng ký nhằm đảm bảo các đơn vị vận tải có trách nhiệm cung cấp dịch vụ theo đúng phương án chạy xe đã đăng ký, hạn chế việc đơn vị vận tải chỉ đăng ký để giữ chỗ nhưng không hoạt động hoặc bỏ bến ra ngoài để hoạt động.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian thu hồi được tính kể từ ngày đơn vị kinh doanh vận tải nộp phù hiệu, biển hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi ban hành quyết định thu hồi; đồng thời bổ sung chế tài tăng nặng đối với các trường hợp vi phạm lần thứ 2 trong thời gian 6 tháng liên tục.

+ Bổ sung quy định chưa giải quyết cấp mới, cấp lại phù hiệu, biển hiệu đối với đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm quy định bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu mà không chấp hành quyết định thu hồi phù hiệu, biển hiệu; sau khi chấp hành xong quyết định thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì thực hiện cấp theo quy định.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định đơn vị kinh doanh vận tải phải nộp lại phù hiệu, biển hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp trong trường hợp không sử dụng phương tiện để kinh doanh vận tải hoặc hết thời hạn thuê phương tiện hoặc bán, chuyển nhượng cho đơn vị khác để ngăn chặn tình trạng xe đã cấp phù hiệu không còn sử dụng hoặc được bán sang đơn vị khác nhưng không báo cáo và nộp lại cho cơ quan cấp, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, đặc biệt trong quá trình xử lý vi phạm theo quy định.

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP

+ Sửa đổi điểm b và điểm d khoản 1 Điều 9, sửa đổi nội dung không thực hiện hoạt động vận tải liên vận ASEAN trong thời gian 03 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép liên vận xuống còn 02 tháng, bổ sung thêm nội dung phương tiện bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận.

+ Sửa đổi, bổ sung thêm quy định phương tiện bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 26 bổ sung thêm nội dung phương tiện bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định phương tiện bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

+ Sửa đổi 04 thủ tục hành chính để thực hiện phân cấp triệt để cho địa phương.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 4 năm 2024 Bộ Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Bộ Giao thông vận tải; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thanh tra Chính phủ (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Báo Điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TT).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Đỗ Xuân Quý